

PHỤ LỤC

Quy định về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè năm học 2024-2025
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

STT	Nội dung thu	Mức thu tối đa năm học 2024-2025
I	Nội dung thu tổ chức hoạt động dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	
	Đối với trường tự tổ chức nấu ăn	
	Khối Mầm non	190.000 đồng/trẻ/tháng
	Khối Tiểu học	132.000 đồng/học sinh/tháng
	Khối Trung học cơ sở	132.000 đồng/học sinh/tháng
	Tiền vệ sinh phí các cấp học	20.000 đồng/học sinh/tháng
	Đối với trường hợp đồng suất ăn nấu sẵn	
	Khối Tiểu học	92.000 đồng/học sinh/tháng
	Khối Trung học cơ sở	92.000 đồng/học sinh/tháng
	Tiền vệ sinh phí các cấp học	20.000 đồng/học sinh/tháng
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	
	Mầm non	132.000 đồng/trẻ/tháng
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	
	Mầm non	11.000 đồng/trẻ/giờ
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	

	Mầm non (tổ chức nuôi trẻ mầm non ngày thứ Bảy)	120.000 đồng/trẻ/ngày
	Tiền tổ chức nuôi trẻ mầm non trong hè	500.000 đồng/trẻ/tuần
5	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố)	
+	Nhà trẻ	52.000 đồng/trẻ/tháng
+	Mẫu giáo	52.000 đồng/trẻ/tháng
6	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	
+	Mầm non	35.000 đồng/trẻ/năm
+	Tiểu học	30.000 đồng/học sinh/năm
+	Trung học cơ sở	30.000 đồng/học sinh/năm
7	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	
	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	35.000 đồng/học sinh/tháng
8	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	
	Tiền tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến.....	100.000 đồng/học sinh/tháng
II	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác	
1	Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	
	Trường Trung học cơ sở có tổ chức học 2 buổi/ngày thực hiện theo văn bản hướng dẫn tổ chức kế hoạch 2 buổi/ngày đầu năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo.	105.000 đồng/học sinh/tháng

2	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	
-	Tiểu học	75.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	75.000 đồng/học sinh/tháng (3 tiết/tuần)
3	Tiền tổ chức các lớp giáo dục tăng cường nội dung Tin học	
	Tiểu học	
+	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	30.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
+	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tăng cường	60.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
4	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi:	
-	Mầm non	65.000 đồng/trẻ/tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiểu học	65.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
5	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	
-	Mầm non	79.000 đồng/trẻ/tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiểu học	79.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	79.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
6	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	
-	Mầm non	90.000 đồng/trẻ/tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiểu học	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	90.000 đồng/học sinh/tháng (1 tiết/tuần)
7	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	
-	Mầm non	250.000 đồng/trẻ/tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiểu học	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	

-	Mầm non	100.000 đồng/trẻ/tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiểu học	150.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	250.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
9	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	
-	Tiểu học	500.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	800.000 đồng/học sinh/tháng (4 tiết/tuần)
10	Tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	9.000 đồng/học sinh/tiết
11	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	
	Tiểu học	60.000 đồng/học sinh/tháng (1-2 tiết/tuần)
12	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế	
-	Tiểu học	400.000 đồng/học sinh/tháng
-	Trung học cơ sở	400.000 đồng/học sinh/tháng
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục theo Đề án	
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”	
-	Tiểu học	150.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
-	Trung học cơ sở	130.000 đồng/học sinh/tháng (2 tiết/tuần)
2	Tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”	
	Mầm non	1.496.000 đồng/học sinh/tháng
-	Tiền tổ chức làm quen tiếng Anh	250.000 đồng/trẻ/ tháng (2 tiết/tuần)
-	Tiền tổ chức dạy chương trình thể dục thể thao 10 môn phối hợp	436.000 đồng/trẻ/ tháng
	Tổ chức cho trẻ các hoạt động sáng tạo STEM	300.000 đồng/trẻ/tháng

	Thẻ dực nhíp điệu	80.000đồng/trẻ/tháng
	Vẽ	80.000đồng/trẻ/tháng
	Tiền tổ chức hoạt động ngoại khóa	70.000đồng/trẻ/tháng
	Tiền trang bị cơ sở vật chất cho trường tiên tiến	280.000đồng/trẻ/tháng
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh	
1	Tiền mua sắm, trang thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	
	Đối với trường tự tổ chức nấu ăn	
	Đối với trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi	380.000 đồng/trẻ/năm
	Đối với trẻ từ 19 tháng đến 36 tháng tuổi và trẻ từ 03 đến 5 tuổi	200.000 đồng/trẻ/năm
	Khối Tiểu học	200.000 đồng/học sinh/năm
	Khối Trung học cơ sở	200.000 đồng/học sinh/năm
	Đối với trường hợp đồng suất ăn nấu sẵn	
	Khối Tiểu học	130.000 đồng/học sinh/năm
	Khối Trung học cơ sở	130.000 đồng/học sinh/năm
2	Tiền học phẩm	
-	Tiểu học	50.000 đồng/học sinh/năm học
-	Trung học cơ sở	50.000 đồng/học sinh/năm học
-	Giáo dục thường xuyên cấp THPT	50.000 đồng/học viên/năm học
3	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu	
-	Nhà trẻ	130.000 đồng/trẻ/năm học
-	Mẫu giáo	190.000 đồng/trẻ/năm học
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	
-	Mầm non (có ăn xế)	35.000 đồng/trẻ/ngày
-	Tiểu học	30.000 đồng/học sinh/ngày
-	Tiểu học (có ăn xế)	35.000 đồng/học sinh/ngày
-	Trung học cơ sở	30.000 đồng/học sinh/ngày
5	Tiền suất ăn sáng	
	Mầm non	10.000 đồng/trẻ/ngày

6	Tiền nước uống	10.000 đồng/học sinh/tháng
7	Tiền mua sắm đồ dùng phục học sinh	
	Mâm non	150.000 đồng/bộ
	Tiểu học	250.000 đồng/bộ
	Trung học cơ sở	350.000 đồng/bộ
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	300.000 đồng/bộ